

DANH SÁCH LỚP TRƯỜNG CÁC LỚP KHÓA HỌC
NĂM HỌC 2016 – 2017

STT	HỌ TÊN	MSSV	LỚP	NGÀNH HỌC	KHOA	BẠC HỌC	TIỀN	KÝ NHẬN
1	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	131A010022	131A0101	Công nghệ Thông tin	Kỹ thuật - Công nghệ	Đại học	1.080.000	
2	Trương Văn Phi	131A020023	131A0201	Kỹ thuật điện tử – truyền thông	Kỹ thuật - Công nghệ	Đại học	1.080.000	
3	Nguyễn Thiện An	141A010004	141A0101	Công nghệ Thông tin	Kỹ thuật - Công nghệ	Đại học	1.080.000	
4	Võ Hiếu Dương	141A020012	141A0201	Kỹ thuật điện tử – truyền thông	Kỹ thuật - Công nghệ	Đại học	1.080.000	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hải	151A010320	151A0101 – 151A0102 – 151A0103	Công nghệ Thông tin	Kỹ thuật - Công nghệ	Đại học	1.080.000	
6	Trần Ngọc Sơn	151A020025	151A0201	Kỹ thuật điện tử – truyền thông	Kỹ thuật - Công nghệ	Đại học	1.080.000	
7	Đỗ Thị Yến Thảo	161A010175	161A0101 – 161A0102	Công nghệ Thông tin	Kỹ thuật - Công nghệ	Đại học	1.080.000	
8	Nguyễn Ngọc Lâm	161A020015	161A0201	Kỹ thuật điện tử – truyền thông	Kỹ thuật - Công nghệ	Đại học	1.080.000	
9	Phạm Phương Nam	131A030009	131A0301	Quản trị kinh doanh	Kinh tế	Đại học	1.080.000	

10	Lê Văn Gia Hùng	131A030075	131A0302	Kế toán - Kiểm toán	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
11	Vũ Thị Nhung	131A040042	131A0401	Kế toán - Kiểm toán	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
12	Lê Huỳnh Như	131A050040	131A0501	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
13	Nguyễn Thị Thanh Hằng	131A060029	131A0601	Kinh doanh thương mại	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
14	Nguyễn Thị Thu Hường	141A030236	141A0301	Quản trị kinh doanh	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
15	Võ Ngọc Thanh Trúc	141A030007	141A0302	Kế toán - Kiểm toán	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
16	Hồ Vĩnh Hữu Nguyên	141A030106	141A0303	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
17	Huỳnh Lê Cẩm Nhung	141A030219	141A0304	Kinh doanh thương mại	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
18	Trương Thành Quý	141A030249	141A0305	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
19	Tổng Thị Hoài Linh	141A030013	141A0306	Quản trị nhân sự	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
20	Nguyễn Trọng Nhật Hiếu	142A530052	142A5301	Quản trị kinh doanh	Kinh tế	Cao đẳng	1.080.000	
21	Nguyễn Thái Tân	151A031249	151A0303	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
22	Võ Hoàng Thảo Ngân	151A030683	151A0304	Kinh doanh thương mại	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
23	Đoàn Thị Bảo Ngọc	151A031271	151A03101	Quản trị Kinh doanh	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
24	Nguyễn Thị Hồng Vân	151A030267	151A0306	Quản trị nhân sự	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
25	Nguyễn Thiên Vũ	151A030300	151A0307	Marketing	Kinh tế	Đại học	1.080.000	

26	Võ Thị Mỹ Trang	151A030050	151A0301 2	Quản trị kinh doanh	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
27	Phan Thị Mỹ Hoài Linh	151A031324	151A0302 1	Kế toán - Kiểm toán	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
28	Lê Minh Toàn	161A030540	161A0303	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
29	Nguyễn Thị Phương Dung	161A030682	161A0304	Kinh doanh thương mại	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
30	Nguyễn Thị Tuyết Sang	161A030717	161A0308	Quản trị quan hệ công chúng	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
31	Đỗ Bá Hải	161A031023	161A0306	Quản trị nhân sự	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
32	Võ Đăng Duy	161A030476	161A0312	Quản trị Tài chính doanh nghiep	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
33	Mai Kim Nam	161A030749	161A0313	Quản trị Tài chính doanh nghiep	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
34	Bùi Văn Tân	161A030362	161A0311	Quản trị Tài chính doanh nghiep	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
35	Phạm Nguyễn Khắc Duy	161A031135	161A0314	Quản trị Tài chính doanh nghiep	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
36	Nguyễn Minh Thệ	161A030094	161A0302 1	Quản trị Kế toán - Kiểm toán	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
37	Trịnh Thị Ngọc Hiếu	161A030516	161A0302 2	Quản trị Kế toán - Kiểm toán	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
38	Hoàng Ngọc Phương Uyên	161A030909	161A0302 3	Quản trị Kế toán - Kiểm toán	Kinh tế	Đại học	1.080.000	

39	Dương Huỳnh Hiếu Hạnh	161A030006	161A03071	Quản trị Marketing	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
40	Ngô Quốc Duy	161A030638	161A03072	Quản trị Marketing	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
41	Đào Kim Ngân	161A030149	161A03101	Kinh doanh quốc tế	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
42	Lê Thị Quỳnh Trang	161A030817	161A03102	Kinh doanh quốc tế	Kinh tế	Đại học	1.080.000	
43	Nguyễn Việt Anh	131A080007	131A0801	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
44	Đoàn Thị Mỹ Ngọc	131A080172	131A0802	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
45	Huỳnh Đức Dũng	141A070001	141A0701	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch	Đại học	1.080.000	
46	Trần Thanh Bình	141A080076	141A0801	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
47	Võ Hoàng Phúc	151A070017	151A0701	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch	Đại học	1.080.000	
48	Huỳnh Thị Bảo Yến	151A070209	151A0702	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch	Đại học	1.080.000	
49	Nguyễn Hoàng Vũ	151A070307	151A0703	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch	Đại học	1.080.000	
50	Dương Thị Kim Yến	151A080060	151A0801	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
51	Nguyễn Thị Vân Anh	151A080177	151A0802	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
52	Nguyễn Thành Phước	151A080299	151A0803	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	

53	Lại Võ Đăng Khoa	151A080488	151A0804	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
54	Lê Vinh Cường	151A080605	151A0805	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
55	Trần Tuấn Phong	161A070082	161A0701	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch	Đại học	1.080.000	
56	Trần Văn Mẫn	161A070168	161A0702	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch	Đại học	1.080.000	
57	Nguyễn Nhân Hòa	161A070221	161A0703	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch	Đại học	1.080.000	
58	Trần Thị Hồng Ngọc	161A080160	161A0802	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
59	Đinh Nguyễn Hạ Sang	161A080263	161A0803	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
60	Dương Minh Nhựt	161A080392	161A0804	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
61	Hồ Thị Bích Thuận	161A080435	161A0805	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
62	Nguyễn Nữ Nhã Uyên	131A070116	131A0701	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch	Đại học	1.080.000	
63	Trần Thị Ngọc Tuyết	161A080099	161A0801	Quản trị khách sạn	Du lịch	Đại học	1.080.000	
64	Nguyễn Anh Tuấn	131A090003	131A0901	Xã hội học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
65	Nguyễn Duy Linh	131A100073	131A1001	Tâm lý học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	

66	Nguyễn Phan Lê Na	131A100016	131A1002	Tâm lý học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
67	Trần Thị Nhật Dung	131A110010	131A1101	Văn học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
68	Lý Khánh Trung	141A090064	141A0901	Xã hội học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
69	Nguyễn Thị Thanh An	141A100015	141A1001	Tâm lý học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
70	Nguyễn Nguyên Thủy Trúc	141A100077	141A1002	Tâm lý học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
71	Nguyễn Thanh Phương	141A110021	141A1101	Văn học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
72	Phan Nhân Hòa	151A090061	151A0901	Xã hội học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
73	Nguyễn Hà Mỹ Nhi	151A090102	151A0902	Xã hội học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
74	Nguyễn Văn Công	151A100058	151A1001	Tâm lý học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
75	Nguyễn Thị Đoàn Phụng	151A100166	151A1002	Tâm lý học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
76	Phan Nguyễn Hoài Bảo	151A110075	151A1101	Văn học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	

77	Mai Đoàn Thảo Nguyễn	151A110182	151A1102	Văn học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
78	Phan Võ Hải Triều	161A090016	161A0901	Xã hội học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
79	Lê Thị Hoài Thanh	161A100090	161A1001	Tâm lý học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
80	Lê Thành Di	161A100093	161A1002	Tâm lý học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
81	Đỗ Huyền Thy	161A110074	161A1101	Văn học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đại học	1.080.000	
82	Dương Minh An	131A140036	131A1401	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
83	Nguyễn Tấn Phát	131A140113	131A1402	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
84	Nguyễn Thị Hoàng Yến	131A150167	131A1501	Nhật Bản học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
85	Phạm Thị Anh Thư	131A150081	131A1502	Hàn Quốc học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
86	Đinh Thị Thùy Đông	141a140099	141A1401	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
87	Đinh Ngọc Thi	141A140082	141A1402	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
88	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	141A150008	141A1501	Nhật Bản học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
89	Cao Phương Uyên	141A150002	141A1502	Hàn Quốc học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
90	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi	151A140062	151A1401	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	

91	Lư Ngọc Toàn	151A140106	151A1402	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
92	Trần Sơn Hiếu	151A140344	151A1403	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
93	Trương Ngọc Vân Anh	151A140371	151A1404	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
94	Nguyễn Văn Lộc	151A140530	151A1405	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
95	Nguyễn Hạ Phương Uyên	151A140692	151A1406	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
96	Lê Đình Nhật	151A140787	151A1407	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
97	Phan Thị Thùy Trang	151A170006	151A1701	Ngôn ngữ Trung Quốc	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
98	Nguyễn Minh Tâm	151A150077	151A1501 1	Nhật Bản học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
99	Văn Thị Thúy Vi	151A150385	151A1501 2	Nhật Bản học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
100	Trần Trung Hậu	151A150610	151A1501 3	Nhật Bản học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
101	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	151A150778	151A1501 4	Nhật Bản học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
102	Phạm Thị Thúy Vi	151A150074	151A1502 1	Hàn Quốc học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
103	Đỗ Thị Hà	151A150302	151A1502 2	Hàn Quốc học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
104	Nguyễn Sơn Trà	161A140044	161A1402	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
105	Đinh Thị Quỳnh Như	161A140107	161A1401 1	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
106	Giang Phụng Kim	161A140202	161A1401 2	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	

107	Nguyễn Nhữ Thanh Giang	161A140311	161A14013	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
108	Ngô Hoàng Nam	161A140437	161A14014	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
109	Lê Thị Thu Hiền	161A140518	161A14015	Ngôn ngữ Anh	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
110	Trần Anh Vĩ	161A160035	161A1601	Ngôn ngữ Nhật	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
111	Nguyễn Quốc Thắng	161A160145	161A1602	Ngôn ngữ Nhật	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
112	Trần Gia Phụng	161A170034	161A1701	Ngôn ngữ Trung Quốc	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
113	Điền Thị Hải Vân	161A150024	161A15011	Nhật Bản học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
114	Phạm Thị Bích Thảo	161A150221	161A15012	Nhật Bản học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
115	Nguyễn Thu Anh	161A150020	161A15021	Hàn Quốc học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
116	Phan Thảo Nhi	161A150179	161A15022	Hàn Quốc học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
117	Nguyễn Kim Hoàng Nhân	161A150348	161A15023	Hàn Quốc học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
118	Bùi Lý Hồng Anh	162A580003	162A5801	Tiếng Anh thương mại	NN & VHNN	Cao đẳng	1.080.000	
119	Nguyễn Ngọc Bích	151A150670	151A15023	Hàn Quốc học	NN & VHNN	Đại học	1.080.000	
120	Quách Tiến Khoa	142A580027	142A5801	Tiếng Anh thương mại	NN & VHNN	Cao đẳng	1.080.000	
TỔNG CỘNG							129.600.000	

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN